

**Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng**  
**Nếu cần thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ**

# PHILCO-Q10 Viên nang mềm

SDK: VD-5294-08

◆ **THÀNH PHẦN:** Mỗi viên nang mềm chứa:

**Hoạt chất:**

Hỗn dịch Beta-caroten 30% .....	10,00 mg
(tương đương Beta-caroten .....	3,00 mg)
Tocopherol acetat .....	200,00 mg
(tương đương vitamin E .....	200,00 I.U)
Acid ascorbic .....	500,00 mg
Bột selen 0,1% .....	25,00 mg
Ubidecarenon .....	5,00 mg
Kẽm oxid .....	17,43 mg
(tương đương Kẽm .....	14,00 mg)

**Tá dược:** Lecithin, Sáp ong trắng, Dầu đậu nành, Gelatin, Glycerin đậm đặc, Ethyl vanillin, Màu đỏ số 40, Màu đỏ số 3, Màu xanh số 1, Titan dioxyd, Nước tinh khiết.

◆ **CHỈ ĐỊNH**

PHILCO-Q10 được chỉ định trong các trường hợp:

- Thể trạng mệt mỏi.
- Phụ nữ có thai và cho con bú
- Phục hồi sức khỏe trong và sau khi bệnh.
- Người già yếu.
- Bổ sung vitamin và khoáng chất ( $\beta$ -caroten, vitamin C, vitamin E, selen, kẽm).
- Hỗ trợ điều trị trong các trường hợp: Bệnh tim mạch, bệnh thoái hóa thần kinh ở người lớn tuổi (Alzheimer, Parkinson...), ung thư (tăng cường miễn dịch, ngăn ngừa các tổn thương cơ quan do hóa trị và xạ trị gây ra), các bệnh nội khoa mãn tính (suy gan, suy thận, tiểu đường...).

◆ **LIỀU LƯỢNG VÀ CÁCH DÙNG**

Người lớn: 1 viên x 2 lần mỗi ngày

◆ **CHỐNG CHỈ ĐỊNH**

- Bệnh nhân nhạy cảm với một trong các thành phần của thuốc
- Trẻ em dưới 8 tuổi

◆ **THẬN TRỌNG**

*Dùng thuốc theo đúng liều lượng và cách sử dụng.*

*Các trường hợp sau đây cần hỏi ý kiến bác sĩ hoặc dược sĩ trước khi sử dụng:*

- Bệnh nhân đang theo biện pháp trị liệu khác của thầy thuốc.

- Bệnh nhân tăng oxalat niệu.
- Bệnh nhân bị rối loạn chức năng tim hoặc chức năng tuần hoàn.
- Bệnh nhân suy thận.
- Bệnh nhân giảm protein máu.

◆ **TƯƠNG TÁC THUỐC**

- Dùng chung với các thuốc kháng aldosteron hoặc triamteren có thể làm tăng kali huyết.
- Không nên dùng chung với các thuốc sau: Muối phosphat, muối calci, tetracyclin dùng đường uống, thuốc kháng acid.
- Trà có chứa tanin, như trà xanh hoặc trà đỏ, nên dùng cách xa trước hoặc sau khi uống thuốc.

◆ **PHỤ NỮ CÓ THAI VÀ CHO CON BÚ**

Đối với phụ nữ có thai, để liều vitamin A không vượt quá 8.000 I.U một ngày, cần thận trọng khi dùng chung với các chế phẩm có chứa Vitamin A khác.

◆ **TÁC DỤNG PHỤ**

- Nên ngưng việc dùng thuốc và hỏi ý kiến của thầy thuốc nếu những triệu chứng sau xảy ra: buồn nôn, nôn, tiêu chảy, táo bón, khó chịu ở bụng, rối loạn dạ dày ruột, rối loạn tiêu hoá, đau thượng vị, ngứa, khô da.
- Chu kỳ kinh nguyệt có thể bắt đầu sớm hơn khi dùng thuốc, có thể nhiều hơn hoặc chảy máu kéo dài.
- Khi dùng các thuốc tránh thai đường uống có estrogen hoặc bệnh nhân có yếu tố huyết khối dùng vitamin E, nguy cơ huyết khối có thể tăng
- Dùng thuốc liều cao trong thời gian dài có thể gây dung nạp.
- Dùng lượng lớn thuốc có thể gây triệu chứng đường tiêu hoá như nôn, buồn nôn, tăng natri huyết, suy tim sung huyết hoặc phù.

*\* Thông báo cho bác sĩ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi dùng thuốc.*

◆ **QUÁ LIỀU:** Chưa có báo cáo.

◆ **BẢO QUẢN:** Trong bao bì kín, ở nhiệt độ phòng (dưới 30°C).

◆ **HẠN DÙNG:** 36 tháng kể từ ngày sản xuất.

*\* Không dùng thuốc quá thời hạn sử dụng.*

◆ **ĐÓNG GÓI:** 10 vỉ x 10 viên nang mềm/hộp.

◆ **TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG:** Tiêu chuẩn cơ sở.

*Sản xuất bởi*

**CÔNG TY TNHH PHIL INTER PHARMA**  
Số 25, Đường số 8, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, Thuận An, Bình Dương.